

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 30/2023/HC-GĐT

Ngày 19/5/2023

V/v khiếu kiện Quyết định hành chính và hành
vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Minh Thủy.

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Thuân;

- Ông Ngô Tiến Hùng;

- Ông Trần Hồng Hà;

- Ông Nguyễn Biên Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa xét xử giám đốc thẩm vụ án hành chính về “*khiếu kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hoàng Mạnh H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: số 881 đường 30/4, Phường 11, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn N, sinh năm 1981; cư trú tại số 45 Lê Long V, phường Long T, thành phố Bà R, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền có chứng thực ngày 17/9/2019).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T.

Địa chỉ: số 89 Lý Thường K, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Vũ T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T là người đại diện theo pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Cù Tô Thị V, sinh năm 1938;

Địa chỉ: số 877 đường 30/4, Phường 11, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Thanh T1, sinh năm 1974; cư trú tại số 53 Nguyễn Tất T, phường Phước T, thành phố Bà R, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền có chứng thực ngày 17/9/2019).

2. Ông Hoàng Đình C, sinh năm 1975;

3. Bà Hoàng Thị Mai S, sinh năm 1972;

Địa chỉ: số 877A đường 30/4, Phường 11, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn nhà số 877, Đường 30/4, Phường 11, thành phố Vũng T (số cũ là 31A Quốc lộ 15, khóm Phước A, phường Phước T, thành phố Vũng T) do Ủy ban nhân dân thị xã Vũng T quản lý theo diện nhà vắng chủ vào năm 1978; có khuôn viên đất là 16.232m² gồm 02 phần: phần diện tích 8.412m² đất gò, trên đó có căn nhà mà cụ Hoàng T2 (cha của ông Hoàng Mạnh H) ký hợp đồng thuê nhà với Nhà nước vào ngày 04/4/1980 và phần diện tích 7.820m² dùng xen kẽ mấm do gia đình cụ T2 phục hoá để trồng lúa, nuôi trồng thủy sản.

Năm 1993, cụ Tô Thị V (là vợ của cụ T2) đã kê khai, đăng ký toàn bộ khu đất diện tích 15.949m² gồm các thửa: Thửa 27 diện tích 4.535m², thửa 122 diện tích 819m², thửa 129 diện tích 7.115m², thửa 206 diện tích 3.480m².

Cùng năm 1993, cụ T2 có đơn xin mua hóa giá căn nhà diện tích 97,24m² trên phần đất 150m² (theo định mức đất ở tại địa phương) và xin mua thêm 251,38m² với giá cao thuộc phần đất 8.412m² thuê của Nhà nước. Ngày 17/01/1994, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 132/QĐ-UBT phê duyệt bán hóa giá căn nhà số 31A cho cụ T2. Tại Biên bản làm việc với Tổ nghiệp vụ hóa giá nhà của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 02/8/1994, cụ T2 có ý kiến: *“Vì hoàn cảnh gia đình không thể mua hết được nên xin mua trong tiêu chuẩn, đề nghị cắt ngang nhà”* và đồng ý để Nhà nước thu hồi phần diện tích đất còn lại 7.389,12m².

Do cụ T2 không đủ tiền để mua nhà nên ngày 30/11/1995, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2228/QĐ.UBT thu hồi Quyết định số 132/QĐ-UBT nêu trên và tiếp tục cho cụ T2 được ký hợp đồng thuê nhà số 31A.

Ngày 16/8/2002, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 7173/QĐ-UB về việc thu hồi 49.899,3m² đất tại các phường 2, 5, 6, 8, 9, 11 thuộc thành phố Vũng T để thực hiện Dự án xây dựng hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thành phố Vũng T; theo đó đã thu hồi 1.368,3m² đất trong khuôn viên nhà đất của gia đình cụ T2.

Ngày 30/6/2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 741/QĐ-TTg về việc giao cho Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng diện tích 128.496,3m² tại Phường 11 để xây dựng Căn cứ Vùng Cảnh sát biển 4 (nay là Vùng Cảnh sát biển 3); theo đó đã thu hồi 5.999,5m² thuộc khuôn viên nhà đất của gia đình cụ T2.

Ngày 14/12/2007, Chủ tịch UBND thành phố Vũng T ban hành các Quyết định số 3331/QĐ-UBND và Quyết định số 3332/QĐ-UBND để thu hồi diện tích 5.999,5m² và 1.368,3m² nêu trên.

Ngày 14/12/2007, Chủ tịch UBND thành phố Vũng T ban hành Quyết định số 4835/QĐ-UBND và Quyết định số 4838/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên. Theo đó, gia

đình cụ T2 được bồi thường, hỗ trợ số tiền 288.148.784 đồng (không bồi thường đất, chỉ hỗ trợ đất nông nghiệp, hỗ trợ 80% nhà vật kiến trúc xây dựng thêm...).

Không đồng ý với các quyết định thu hồi và bồi thường hỗ trợ, cụ T2 có đơn khiếu nại. Ngày 28/01/2008, Chủ tịch UBND thành phố Vũng T ban hành Quyết định số 451/QĐ-UBND và Quyết định số 452/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Ngày 13/11/2008, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 4193/QĐ-UBND và Quyết định số 4194/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai), đều bác đơn khiếu nại của cụ T2.

Cụ T2 tiếp tục khiếu nại đến Thanh tra Chính phủ. Tại Văn bản số 2057/BC-TTCTP ngày 25/8/2009 (Báo cáo kết luận thanh tra về việc khiếu nại, tố cáo của cụ T2), Thanh tra Chính phủ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết khiếu nại của cụ T2 theo hướng:

“Giao Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chỉ đạo Chủ tịch UBND thành phố Vũng T:

- Xem xét hỗ trợ 60% diện tích đất ở theo hạn mức quy định tại địa phương và 60% giá trị căn nhà mà cụ T2 đã ký hợp đồng thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước và đã bị giải tỏa để làm đường đi vào Căn cứ vùng Cảnh sát biển 4.

- Giao cho gia đình cụ T2 4.349m² đất nuôi trồng thủy sản còn lại trên phần đất có diện tích 7.820m² dùng xen kẽ Mắm mà gia đình cụ T2 đã có công phục hóa để trồng lúa và nuôi trồng thủy sản làm kinh tế gia đình (diện tích 3.462m² Nhà nước đã thu hồi ...”.

Không đồng ý với kiến nghị của Thanh tra Chính phủ, cụ T2 tiếp tục khiếu nại đề nghị được đền bù nhà, đất theo khoản 2 Điều 21 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Tại Văn bản số 2063/BC-TTCTP ngày 16/7/2010, Tổng Thanh tra Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết việc khiếu nại của cụ T2 theo kiến nghị tại Văn bản số 2057/BC-TTCTP ngày 25/8/2009 nêu trên. Ngày 30/11/2010, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 8684/VPCP-KNTN truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, với nội dung: *“Đồng ý với nội dung kiến nghị nêu tại Văn bản số 2063/BC-TTCTP ngày 16/7/2010 của Thanh tra Chính phủ; Thanh tra Chính phủ hướng dẫn UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện, nhằm giải quyết dứt điểm khiếu nại của ông Hoàng T2”.*

Thực hiện kết luận của Thanh tra Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 23/4/2013, UBND thành phố Vũng T đã ban hành Quyết định số 1166/QĐ-UBND về việc giao 4.349m² đất nông nghiệp thuộc thửa số 5+30 tờ bản đồ số 37, Phường 11 cho hộ cụ Hoàng T2 - Tô Thị V sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản (sau đây viết tắt là Quyết định số 1166/QĐ-UBND). Ngày 19/11/2013, UBND thành phố Vũng T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 708248 (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất số BN 708248) cho hộ cụ Hoàng T2 - Tô Thị V đối với diện tích 4.349m² đất nuôi trồng thủy sản.

Ngày 23/10/2018, ông H mới biết Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND thành phố Vũng T về việc giao 4.349m² đất nêu trên cho cụ T2 và cụ V. Ngày 08/11/2018, ông H có đơn khiếu nại yêu cầu UBND thành phố

Vũng T thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1166/QĐ-UBND và GCNQSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất số BN 708248, nhưng không được giải quyết.

Ngày 24/7/2019, ông H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1166/QĐ-UBND và GCNQSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất số BN 708248; buộc UBND thành phố Vũng T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H đối với 4.349m² đất, với lý do:

- Ông đã khai hoang khoảng 7.398m² đất nông nghiệp và nộp thuế sử dụng đất từ năm 1991-2006; vị trí đất giáp với đất của cha, mẹ ông. Năm 1993, khi đo đạc bản đồ, do ông đi làm ăn xa nên mẹ ông đã đăng ký và đứng tên trong Sổ mục kê (gồm các thửa 27/4.535m², thửa 122/819m², thửa 206/3.480m², tổng diện tích là 8.834m²). Sau khi xác định ranh giới đất bị thu hồi, ông H xác định diện tích còn lại của gia đình ông khoảng 4.300m² (đo đạc thực tế là 4.349m²) thuộc thửa 122, 206 và một phần thửa 129 (nay là thửa 5+30). Gia đình ông sử dụng đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch nhưng UBND thành phố Vũng T không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông.

- Cha, mẹ ông sử dụng phần đất 8.412m² (giáp với đất của ông khai hoang, gồm thửa 129/7.115m² và một phần thửa 27/1.297m²) nhưng không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do đất công do Nhà nước quản lý. Khi cha, mẹ ông phát hiện việc cấp nhầm diện tích đất của ông, cha mẹ ông đã làm đơn trả lại GCNQSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất số BN 708248 để UBND thành phố Vũng T cấp lại cho ông nhưng không được giải quyết.

Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T trình bày:

Diện tích 7.820m² là ao nuôi thủy sản xen kẽ cây mắm (loại cây sống trong vùng ngập mặn) đã được gia đình cụ T2 phục hóa để trồng lúa và nuôi trồng thủy sản. Phần đất này gia đình cụ T2 sử dụng ổn định từ năm 1980, thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước từ năm 1991, kê khai, đăng ký trong Hồ sơ địa chính Phường 11 từ năm 1993.

UBND thành phố Vũng T giao 4.349m² đất cho gia đình cụ T2 là thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Công văn số 406/UBND-VP ngày 19/01/2012 và Công văn số 6651/UBND-VP ngày 15/11/2011 về việc triển khai thực hiện kết luận của Thanh tra Chính phủ về giải quyết khiếu nại của cụ T2. Trên cơ sở đơn xin giao đất của cụ T2 đối với diện tích 4.349m² đất, UBND thành phố Vũng T đã ban hành Quyết định số 1166/QĐ-UBND và tiến hành bàn giao đất tại thực địa vào ngày 20/9/2013. Hộ gia đình cụ T2 đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính vào ngày 10/9/2013. Do đó, UBND thành phố Vũng T cấp GCNQSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất số BN 708248 cho hộ cụ Hoàng T2 - Tô Thị V là đúng quy định.

Ông H yêu cầu hủy Quyết định số 1166/QĐ-UBND và GCNQSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất số BN 708248, đề nghị UBND thành phố Vũng T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H đối với 4.349m² đất là không có cơ sở xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Cụ Tô Thị V trình bày: Cụ và cụ Hoàng T2 (cụ T2 chết ngày 15/6/2019) có 03 người con chung là Hoàng Mạnh H, Hoàng Đình C và Hoàng Thị Mai S.

Diện tích đất mà ông H đang tranh chấp là tài sản riêng của ông H, không phải là tài sản của vợ chồng cụ và 02 người em của ông H (các ý kiến của cụ V về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tranh chấp giống như ý kiến của ông H).

Cụ V đã nộp số tiền lệ phí trước bạ nhà đất là 3.436.000 đồng. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H thì cụ V không yêu cầu giải quyết số tiền lệ phí trước bạ nêu trên.

2. Ông Hoàng Đình C và bà Hoàng Thị Mai S: Có quan điểm giống với cụ V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 05/3/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Mạnh H:

- Hủy Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giao 4.349m² đất nông nghiệp thuộc thửa số 5+30 tờ bản đồ 37, Phường 11 cho hộ Hoàng T2 - Tô Thị V sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 708248 ngày 19/11/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CH - 03929) do Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T cấp cho hộ ông Hoàng T2 - bà Tô Thị V.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T giải quyết hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Hoàng Mạnh H đối với diện tích đất nông nghiệp khoảng 4.349m² thuộc thửa số 5+30 tờ bản đồ 37, Phường 11, thành phố Vũng T theo quy định của pháp luật”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/3/2020, Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T có đơn kháng cáo.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 745/2020/HC-PT ngày 15/12/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

“Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T;

Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 05/3/2020 về việc khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 06/10/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T có Văn bản số 7700/UBND-TNMT và ngày 18/11/2021 có đơn gửi Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 745/2020/HC-PT ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào các ngày 04/5/2021, 24/6/2021, 17/01/2022 và 09/3/2022, các ông bà Cù Viết T3, Đinh Xuân L, Nguyễn Tiến T4, Lê Tiến S1, Nguyễn Thị T5, Trịnh Đình T6, Trần Thị Việt L1, Vũ Đình H1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Ngày 20/01/2022, cụ Tô Thị V, ông Hoàng Mạnh H có Đơn đề nghị không kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Ngày 16/02/2023, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/2023/KN-HC kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 745/2020/HC-PT ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục giám đốc thẩm. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên và Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn nhà số 877, Đường 30/4, Phường 11, thành phố Vũng T (số cũ là 31A Quốc lộ 15, khóm Phước A, phường Phước T, thành phố Vũng T) do Ủy ban nhân dân thị xã Vũng T quản lý theo diện nhà vắng chủ vào năm 1978; có khuôn viên đất là 16.232m² gồm 02 phần: phần diện tích 8.412m² đất gò, trên đó có căn nhà mà gia đình cụ Hoàng T2 - Tô Thị V (cha, mẹ của ông Hoàng Mạnh H) ký hợp đồng thuê với Nhà nước và phần diện tích 7.820m² đùng xen kẽ mằm do gia đình cụ T2 phục hoá để trồng lúa, nuôi trồng thủy sản.

[2] Năm 2002 và 2005, Nhà nước thu hồi tổng diện tích 7.367,8m² đất mà gia đình cụ T2, cụ V đang sử dụng (lần 1 thu hồi 1.368,3m² đất để thực hiện Dự án xây dựng hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thành phố Vũng T; lần 2 thu hồi 5.999,5m² đất để thực hiện Dự án xây dựng căn cứ vùng Cảnh sát biển 4). Khi cụ T2 và cụ V khiếu nại về việc không được đền bù đất, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Thanh tra Chính phủ đã tiến hành xác minh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ (Báo cáo kết luận thanh tra số 2057/BC-TTTP ngày 25/8/2009 và Báo cáo số 2063/BC-TTTP ngày 16/7/2010 của Thanh tra Chính phủ) theo hướng công nhận các quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T xem xét “Giao cho gia đình cụ Hoàng T2 4.349m² đất nuôi trồng thủy sản còn lại trên phần đất diện tích 7.820m² đùng xen kẽ mằm mà gia đình cụ T2 đã có công phục hóa để trồng lúa và nuôi thủy sản làm kinh tế gia đình...”. Tại Văn bản số 8684/VPCP-KNTN ngày 30/11/2010, Văn phòng Chính phủ đã thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Trương Vĩnh T7 đồng ý với nội dung kiến nghị nêu tại Báo cáo số 2063/BC-TTTP ngày 16/7/2010 của Thanh tra Chính phủ. Quá trình thực hiện Văn bản số 8684/VPCP-KNTN nêu trên, căn cứ vào đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.349m² đất của cụ T2 và cụ V, ngày 23/4/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T ban hành Quyết định số 1166/QĐ-UBND giao 4.349m² đất cho hộ gia đình cụ T2, cụ V. Ngày 19/11/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất cho hộ cụ T2, cụ V đối với 4.349m² đất nuôi trồng thủy sản.

[3] Ông H cho rằng, diện tích 4.349m² đất nêu trên do ông khai hoang, sử dụng ổn định, không có tranh chấp, đã được Ủy ban nhân dân Phường 11, thành phố Vũng T xác nhận về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/3/2005 của ông H nên đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 11 tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/3/2005 nêu trên là không đúng vì quá trình giải quyết khiếu nại việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thành phố Vũng T (năm 2002) và Dự án xây dựng căn cứ vùng Cảnh sát biển 4 (năm 2005), cụ T2 và cụ V đều xác định phần đất 7.820m² thuộc khuôn viên căn nhà số 877 đường 30/4, Phường 11, thành phố Vũng T là do gia đình cụ khai phá. Thực tế, cụ T2 được Ủy ban nhân dân phường Phước T, thành phố Vũng T bố trí về ở tại nhà đất này từ năm 1984 và đứng tên chủ hộ ký Hợp đồng thuê nhà vào các năm 1987, 1995; ông H chỉ là 01 trong 07 thành viên trong gia đình (có tên trong Hợp đồng thuê nhà năm 1987) được sử dụng nhà thuê trên phần đất có tổng diện tích 16.232m² do Nhà nước quản lý. Do đó, việc phục hồi phần đất 7.820m² phải được xác định là do hộ gia đình cụ T2, cụ V (cha, mẹ của ông H) thực hiện trong quá trình sử dụng nhà đất thuê của Nhà nước. Ngày 28/4/2009, Ủy ban nhân dân Phường 11 đã có Văn bản số 211/UBND-BC xác định toàn bộ diện tích đất (trong đó có 4.349m² ông H yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) do gia đình cụ T2 đang quản lý và sử dụng có nguồn gốc do Nhà nước quản lý, không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo Báo cáo kết luận thanh tra số 2057/BC-TTTP ngày 25/8/2009). Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T quyết định giao diện tích 4.349m² đất thuộc khuôn viên căn nhà số 877 cho hộ gia đình cụ T2 và cụ V (là hộ gia đình đang sử dụng nhà đất theo Hợp đồng thuê nhà đất) là có căn cứ.

[4] Tại Báo cáo kết luận thanh tra số 2057/BC-TTTP ngày 25/8/2009, Thanh tra Chính phủ đã kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm của lãnh đạo Ủy ban nhân dân Phường 11, thành phố Vũng T qua từng thời kỳ về việc buông lỏng quản lý đất đai, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm lại căn cứ vào xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 11 tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/3/2005 của ông H không đúng như đã nêu trên để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, hủy Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T về việc giao 4.349m² đất nông nghiệp thuộc thửa số 5+30, tờ bản đồ số 37, Phường 11 cho hộ gia đình cụ T2 và cụ V, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 19/11/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T cấp cho hộ gia đình cụ T2 và cụ V là không có căn cứ.

[5] Mặt khác, theo Đơn đề nghị giám đốc thẩm, các ông, bà Cù Viết T3, Đinh Xuân L, Nguyễn Tiến T4, Lê Tiến S1, Nguyễn Thị T5, Trịnh Đình T6, Trần Thị Việt L1 và Vũ Đình H1 trình bày: mỗi ông, bà đã nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất mà cụ T2, cụ V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đồng thời, cung cấp bản sao các Hợp đồng công chứng về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2014, 2016, kèm sơ đồ vị trí thửa đất được Văn

phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vũng T đo vẽ xác nhận năm 2014 và 02 Hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất có công chứng năm 2014 (cụ T2, cụ V cho tặng 2 con là ông Hoàng Đình C, bà Hoàng Thị Mai S); cung cấp Đơn trình bày của cụ V khẳng định đất đang khiếu kiện là của vợ chồng cụ, cụ chưa từng có đơn gửi Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T và Tòa án đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng cụ. Trong khi đó, tại Đơn đề nghị khẩn cấp ngày 20/01/2022 (về việc không kháng nghị giám đốc thẩm Bản án hành chính) của cụ V, ông H gửi Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có kèm theo Bản cam kết của cụ V, theo đó, cụ V khẳng định cụ chưa bao giờ ký đơn có nội dung ảnh hưởng đến việc đăng ký, sử dụng thửa đất có diện tích 4.349m² đất của ông H. Do đó, khi xét xử lại, Tòa án cần làm rõ về ý kiến không thống nhất của cụ V tại các đơn có chữ ký của cụ; đồng thời, xác định có hay không việc cụ T2 và cụ V chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng 4.349m² đất cho các ông, bà Cù Viết T3, Đinh Xuân L, Nguyễn Tiến T4, ông Lê Tiến S1, Nguyễn Thị T5, Trịnh Đình T6, Trần Thị Việt L1 và Vũ Đình H1, nếu có thì phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 3 Điều 272, khoản 1 và khoản 2 Điều 274 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/2023/KN-HC ngày 16/02/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 745/2020/HC-PT ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 745/2020/HC-PT ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- VKSNDTC (Vụ 10);
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (để biết);
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (để biết);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GDKTIII (2b), Vụ PC&QLKH

TANDTC, HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Minh Thủy